

TỔNG CÔNG TY
CỔ PHẦN XÂY LẮP DẦU KHÍ VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN
XÂY LẮP ĐƯỜNG ống BỂ CHỨA DẦU KHÍ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 351/DOBC-TCKT

V/v: Giải trình ý kiến ngoại trừ và nhấn mạnh
trên báo cáo tài chính đã soát xét quý 2-2020

Vũng Tàu, ngày 03 tháng 8 năm 2020

Kính gửi:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh
- Công ty TNHH PKF Việt Nam

Công ty cổ phần Xây lắp đường ống Bể chứa Dầu Khí (DOBC) xin gửi tới Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh và Công ty TNHH PKF Việt Nam lời chào trân trọng.

Công ty DOBC xin giải trình kết luận ngoại trừ và vấn đề nhấn mạnh trên báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2020 như sau:

1. Cơ sở đưa ra kết luận ngoại trừ

“Nhu trình bày tại Thuyết minh số 5.8 và Thuyết minh số 5.10 trong Bản Thuyết minh báo cáo tài chính chọn lọc, nguyên giá tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình trình bày trên Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 06 năm 2020 lần lượt bao gồm: giá trị tài sản trên đất với số tiền là 2.829.477.273 VND và giá trị quyền sử dụng đất thuê và giá trị sử dụng dịch vụ trên đất thuê với số tiền là 9.395.704.545 VND của các lô đất tại địa chỉ số 35D và 35G, đường 30/4, Phường 9, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu nhận chuyển nhượng từ một bên thứ ba không phải là chủ sử dụng đất thuê và khi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thuê đã hết thời hạn. Việc chuyển nhượng và ghi nhận như trên là chưa phù hợp với các quy định hiện hành có liên quan”.

Ngày 14/03/2019, Công ty cổ phần xây lắp đường ống bể chứa Dầu Khí và Công ty cổ phần xây dựng Công nghiệp và Dân dụng Dầu Khí (PVC-IC) đã có công văn số 158/DOBC/PVC-IC gửi Tổng công ty cổ phần xây lắp Dầu Khí Việt Nam (PVC) về “Thực trạng sử dụng đất 8.070,6m² tại số 35 đường 30 tháng 4, phường 9, TP. Vũng Tàu”. Theo đó, hai đơn vị đề nghị Hội đồng quản trị Tổng công ty chấp thuận chủ trương Tổng công ty tiếp tục gia hạn hợp đồng thuê lô đất trên, giao cho PVC-IC và DOBC sử dụng. Theo đó, ngày 03/07/2019, PVC đã có công văn số 1513/XLDK-KHĐT&TCC gửi Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu và Sở tài nguyên môi trường tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu về việc “Đề nghị ký gia hạn hợp đồng thuê sử dụng khu đất 8.070,6 m² tại số 35 đường 30/4, phường 9, TP. Vũng Tàu”. Tại thời điểm lập báo cáo tài chính, Công ty DOBC và Tổng công ty PVC đang chờ văn bản trả lời từ các cơ quan chức năng để tiến hành các bước tiếp theo.

2. Vấn đề cần nhấn mạnh

“Chúng tôi muốn lưu ý người đọc Báo cáo tài chính giữa niên độ này đến Thuyết minh số 5.18 của Bản thuyết minh Báo cáo tài chính chọn lọc, Công ty có những khoản nợ phải trả ngắn hạn đã quá hạn thanh toán với giá trị là 120.690.032.887 VND. Đồng thời, Công ty có khoản lỗ lũy kế đáng kể là 141.121.410.100 VND (tại ngày 31/12/2019 là 133.683.423.654 VND), trong đó khoản lỗ phát sinh trong kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020 là 7.437.986.446 VND. Ngoài ra, như

đã trình bày tại Thuyết minh số 8.2 của Bản thuyết minh Báo cáo tài chính chọn lọc, Công ty nhận được các Quyết định số 6159/QĐ-CT, 6160/QĐ-CT, 6161/QĐ-CT, 6162/QĐ-CT, 6163/QĐ-CT, 6164/QĐ-CT và 6165/QĐ-CT ngày 08/07/2020 của Cục thuế tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu về việc cưỡng chế thi hành quyết định hành chính thuế bằng biện pháp phong tỏa tài khoản ngân hàng từ ngày 11/07/2020 đến ngày 09/08/2020. Những điều kiện này cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng thanh toán nợ ngắn hạn của Công ty. Tuy nhiên, Ban Giám đốc Công ty đã có các biện pháp nhằm thu hồi các khoản công nợ phải thu để có nguồn tiền thanh toán các khoản công nợ phải trả đã nêu trên, đảm bảo Công ty tiếp tục hoạt động bình thường trong thời gian tới”.

Để giải quyết vấn đề về thanh toán công nợ, Ban Giám đốc Công ty đã đánh giá kế hoạch kinh doanh và kế hoạch dòng tiền cũng như khả năng thu hồi các khoản công nợ như sau:

- Đẩy mạnh thu hồi các khoản nợ phải thu ngắn hạn từ khách hàng, đặc biệt là các khoản phải thu từ các hợp đồng xây dựng với khách hàng thuộc dự án “Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2” do nguồn thu từ dự án này chiếm tỷ trọng chi phối.

- Công ty đã thương thảo và đã được cấp các khoản tín dụng tại Ngân hàng TMCP Quốc dân - Chi nhánh Bà Rịa - Vũng Tàu để trang trải cho việc chi trả các khoản chi phí liên quan đến việc thi công công trình, đồng thời để duy trì hoạt động chính của Công ty được thông suốt.

- Đồng thời, Công ty đã tìm được đối tác để cho thuê bất động sản nêu trên. Nguồn tiền khai thác việc cho thuê sẽ được bổ sung để thanh toán nợ ngắn hạn và duy trì hoạt động hằng ngày của Công ty.

- Tăng cường công tác kiểm soát chi phí thông qua việc định biên hợp lý nhân sự các phòng ban nhằm giảm tối đa chi phí quản lý nhưng vẫn đảm bảo nguồn lực cần thiết khi công ty có nguồn việc nhiều.

- Đồng thời, Công ty cũng đang tìm các nguồn tài chính cần thiết để có thể tự trang trải được các khoản nợ khi đáo hạn.

- Ngoài các công trình hiện hữu đang thi công, Công ty đang triển khai 2 dự án mới bao gồm “cung cấp dịch vụ sơn chống ăn mòn trong đợt bảo dưỡng tổng thể lần 4 (TA4) Nhà máy lọc dầu Dung Quất” và “Đường ống dẫn khí Nam Côn Sơn 2 - về việc lắp đặt đường ống 26 và trạm tiếp bờ”, và tiếp tục đấu thầu các dự án mới trong và ngoài ngành Dầu Khí, đặc biệt là dự án Long Sơn đang triển khai trên địa bàn tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Bằng công văn này, Công ty DOBC kính đề nghị Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh xem xét và chấp thuận theo nội dung giải trình trên của Công ty.

Cũng bằng công văn này, Công ty kính đề nghị Công ty TNHH PKF Việt Nam xác nhận ý kiến giải trình nêu trên

Chúng tôi cam kết chịu trách nhiệm trước Pháp luật về nội dung giải trình trên.

Trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- HĐQT, Ban KS, ban GD (để b/c);
- Lưu: VT, P.TCKT.



**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP ĐƯỜNG ỐNG BỂ CHỨA
DẦU KHÍ**

Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét
cho kỳ kế toán kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2020

Kèm theo

**BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
CỦA KIỂM TOÁN VIÊN**



MỤC LỤC

	Trang
1. Báo cáo của Ban Giám đốc	2 - 4
2. Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ	5 - 6
3. Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét	
- Bảng cân đối kế toán giữa niên độ	7 - 8
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ	9
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ	10 - 11
- Bản thuyết minh báo cáo tài chính chọn lọc	12 - 39

03
RAC
V
1/1/1

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP ĐƯỜNG ống BỂ CHỨA DẦU KHÍ

Địa chỉ: 35G, đường 30/4, phường 9, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Kỳ kế toán kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2020

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí (dưới đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2020 của Công ty đã được soát xét bởi các kiểm toán viên độc lập.

1. Thông tin chung

Công ty Cổ phần Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí được thành lập tại Việt Nam theo Quyết định số 02/QĐ-HĐQT-TCT ngày 21/12/2007 và được chuyển đổi từ công ty TNHH Một thành viên Xây lắp Đường Ống Bồn bể Dầu khí thành công ty Cổ phần theo Quyết định số 963/QĐ-XLDK ngày 16/11/2009 của Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3500833615 được cấp lần đầu vào ngày 26/11/2009 và thay đổi lần thứ 11 ngày 15 tháng 06 năm 2020.

2. Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc và Ban Kiểm soát

Thành viên Hội đồng Quản trị của Công ty trong kỳ kế toán và đến ngày lập báo cáo này bao gồm:

<u>Họ và tên:</u>	<u>Chức vụ:</u>
- Ông Vũ Minh Công	Chủ tịch HĐQT (Bổ nhiệm từ ngày 16/06/2020) (*)
- Ông Nguyễn Đức Đạt	Thành viên (Bổ nhiệm từ ngày 16/06/2020) (*)
- Ông Nguyễn Minh Ngọc	Thành viên (Bổ nhiệm từ ngày 16/06/2020) (*)
- Ông Phạm Cương	Thành viên độc lập (Bổ nhiệm từ ngày 16/06/2020) (*)
- Ông Nguyễn Văn Hương	Thành viên độc lập (Bổ nhiệm từ ngày 16/06/2020) (*)
- Ông Trần Quang Ngọc	Chủ tịch HĐQT (Miễn nhiệm từ ngày 16/06/2020) (*)
- Ông Vũ Chí Cường	Thành viên (Miễn nhiệm từ ngày 16/06/2020) (*)
- Ông Nguyễn Tri Hòa	Thành viên (Miễn nhiệm từ ngày 10/02/2020) (*)
- Ông Nguyễn Văn Hương	Thành viên độc lập (Miễn nhiệm từ ngày 16/06/2020) (*)
- Ông Trần Mạnh Dũng	Thành viên (Miễn nhiệm từ ngày 16/06/2020) (*)

(*) Nghị quyết số 01/NQ/ĐHĐCD ngày 16/06/2020.

Thành viên Ban Giám đốc Công ty đã điều hành hoạt động của Công ty trong kỳ kế toán và đến ngày lập báo cáo này bao gồm:

<u>Họ và tên:</u>	<u>Chức vụ:</u>
- Ông Nguyễn Đức Đạt	Giám đốc (bổ nhiệm từ ngày 09/06/2020 theo nghị quyết HĐQT số 16/NQ-HĐQT)
- Ông Trần Quang Ngọc	Quyền Giám đốc (miễn nhiệm từ ngày 09/06/2020 theo nghị quyết HĐQT số 15/NQ-HĐQT)
- Ông Trần Vũ Phương	Phó Giám đốc (bổ nhiệm từ ngày 09/07/2020 theo nghị quyết HĐQT số 28/NQ-HĐQT)
- Ông Mai Đình Bảo	Phó Giám đốc
- Ông Nguyễn Minh Ngọc	Phó Giám đốc
- Ông Phạm Quốc Trung	Phó Giám đốc
- Ông Nguyễn Tri Hòa	Phó Giám đốc (miễn nhiệm từ ngày 04/02/2020)

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP ĐƯỜNG ống BỂ CHỨA DẦU KHÍ

Địa chỉ: 35G, đường 30/4, phường 9, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Kỳ kế toán kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2020

Thành viên Ban Kiểm soát của Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này bao gồm các vị như sau:

Họ và tên:

- Ông Đàm Quang Hưng
- Bà Hoàng Phương Ngọc
- Ông Nguyễn Mậu Thơ

Chức vụ:

- Trưởng ban
- Thành viên
- Thành viên

3. Trụ sở

Công ty có trụ sở chính tại 35G, đường 30/4, phường 9, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Công ty có chi nhánh như sau:

Tên	Địa chỉ
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí – Xí nghiệp Xây lắp số 1	01 Phạm Văn Nghị, Phường Thắng Nhất, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, Việt Nam
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí – Xí nghiệp Xây lắp số 2	01 Phạm Văn Nghị, Phường Thắng Nhất, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, Việt Nam
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí – Xí nghiệp Xây lắp số 3	01 Phạm Văn Nghị, Phường Thắng Nhất, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, Việt Nam
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí – Xí nghiệp Xây lắp số 5 (*)	01 Phạm Văn Nghị, Phường Thắng Nhất, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, Việt Nam

(*) Theo Quyết định số 31/QĐ-HĐQT ngày 13 tháng 04 năm 2017 của Hội đồng Quản trị Công ty, Chi nhánh Công ty Cổ phần Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí – Xí nghiệp Xây lắp Số 5 đang trong quá trình thực hiện các thủ tục giải thể.

4. Tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh

Chi tiết tình hình tài chính vào ngày 30 tháng 06 năm 2020 và kết quả hoạt động kinh doanh cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm.

5. Các khoản bất thường và sự kiện phát sinh sau niên độ

Ngày 08/07/2020, Công ty nhận được các Quyết định số 6159/QĐ-CT, 6160/QĐ-CT, 6161/QĐ-CT, 6162/QĐ-CT, 6163/QĐ-CT, 6164/QĐ-CT và 6165/QĐ-CT về việc cưỡng chế thi hành quyết định hành chính thuế bằng biện pháp phong tỏa tài khoản ngân hàng của Cục thuế tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Các quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 11/07/2020 đến ngày 09/08/2020.

6. Công ty kiểm toán

Công ty TNHH PKF Việt Nam được chỉ định là kiểm toán viên thực hiện soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2020 của Công ty.

7. Công bố trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ và đảm bảo Báo cáo tài chính giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính vào ngày 30 tháng 06 năm 2020 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Kỳ kế toán kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2020

trong kỳ kế toán kết thúc cùng ngày của Công ty. Để lập Báo cáo tài chính giữa niên độ này, Ban Giám đốc Công ty được yêu cầu:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn phù hợp và áp dụng nhất quán các chính sách kế toán;
- Thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các Chuẩn mực Kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính giữa niên độ hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ khi giả thuyết Công ty sẽ tiếp tục hoạt động không còn phù hợp.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ và nhận thấy không có vấn đề bất thường xảy ra có thể ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của doanh nghiệp.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo sổ kế toán được ghi chép đầy đủ, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty và đảm bảo Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty được lập phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho các tài sản và đã thực hiện các biện pháp phù hợp để ngăn ngừa và phát hiện sai sót và các trường hợp vi phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2020 của Công ty đã được lập theo đúng các yêu cầu nêu trên.

Ngoài ra, Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

8. Ý kiến của Ban Giám đốc

Theo ý kiến của Ban Giám đốc Công ty, Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét (đính kèm) đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty vào ngày 30 tháng 06 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày và được lập phù hợp các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP ĐƯỜNG ống BỂ CHỨA DẦU KHÍ

Địa chỉ: 35G, đường 30/4, phường 9, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Kỳ kế toán kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2020

Vũng Tàu, ngày 31 tháng 07 năm 2020

THAY MẶT BAN GIÁM ĐỐC
GIÁM ĐỐC



NGUYỄN ĐỨC ĐẠT

Ms
2
E
E
★
7

Số: 83 /2020/BCSX-PKF.VPHN

Hà Nội, ngày 31 tháng 07 năm 2020

**BÁO CÁO SOÁT XÉT
THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ****Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban giám đốc
Công ty Cổ phần Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí**

Chúng tôi, Công ty TNHH PKF Việt Nam, đã soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020 Công ty Cổ phần Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí được lập ngày 31 tháng 07 năm 2020, từ trang 08 đến trang 39, bao gồm: Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 06 năm 2020, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính chọn lọc cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020.

Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét này không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Cơ sở đưa ra kết luận ngoại trừ

Như trình bày tại Thuyết minh số 5.8 và Thuyết minh số 5.10 trong Bản Thuyết minh báo cáo tài chính chọn lọc, nguyên giá tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình trình bày trên Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 06 năm 2020 lần lượt bao gồm: giá trị tài sản trên đất với số tiền là 2.829.477.273 VND và giá trị quyền sử dụng đất thuê và giá trị sử dụng dịch vụ trên đất thuê với số tiền là 9.395.704.545 VND của các lô đất tại địa chỉ số 35D và 35G, đường 30/4, Phường 9, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu nhận chuyển nhượng từ một bên thứ ba không phải là chủ sử dụng đất thuê và khi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thuê đã hết thời

hạn. Việc chuyển nhượng và ghi nhận như trên là chưa phù hợp với các quy định hiện hành có liên quan.

Kết luận ngoại trừ

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, ngoại trừ vấn đề được nêu tại đoạn "Cơ sở đưa ra kết luận ngoại trừ", chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí tại ngày 30 tháng 06 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi muốn lưu ý người đọc Báo cáo tài chính giữa niên độ này đến Thuyết minh số 5.18 của Bản thuyết minh Báo cáo tài chính chọn lọc, Công ty có những khoản nợ phải trả ngắn hạn đã quá hạn thanh toán với giá trị là 120.690.032.887 VND. Đồng thời, Công ty có khoản lỗ lũy kế đáng kể là 141.121.410.100 VND (tại ngày 31/12/2019 là 133.683.423.654 VND), trong đó khoản lỗ phát sinh trong kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020 là 7.437.986.446 VND. Ngoài ra, như đã trình bày tại Thuyết minh số 8.2 của Bản thuyết minh Báo cáo tài chính chọn lọc, Công ty nhận được các Quyết định số 6159/QĐ-CT, 6160/QĐ-CT, 6161/QĐ-CT, 6162/QĐ-CT, 6163/QĐ-CT, 6164/QĐ-CT và 6165/QĐ-CT ngày 08/07/2020 của Cục thuế tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu về việc cưỡng chế thi hành quyết định hành chính thuế bằng biện pháp phong tỏa tài khoản ngân hàng từ ngày 11/07/2020 đến ngày 09/08/2020. Những điều kiện này cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng thanh toán nợ ngắn hạn của Công ty. Tuy nhiên, Ban Giám đốc Công ty đã có các biện pháp nhằm thu hồi các khoản công nợ phải thu để có nguồn tiền thanh toán các khoản công nợ phải trả đã nêu trên, đảm bảo Công ty tiếp tục hoạt động bình thường trong thời gian tới.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019 đã được kiểm toán bởi kiểm toán viên khác. Kiểm toán viên này đưa ra Báo cáo kiểm toán số 261/2020/BCKT-BCTC/CPA VIETNAM ngày 23/03/2020 với ý kiến kiểm toán ngoại trừ việc ghi nhận giá trị quyền sử dụng đất và tài sản hình thành trên đất thuê chưa phù hợp với quy định hiện hành và đoạn nhấn mạnh về khoản nợ quá hạn thanh toán của Công ty.

Thay mặt và đại diện cho Công ty TNHH PKF Việt Nam



Nguyễn Xuân Hòa
Phó Tổng giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 0909-2018-242-1

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP ĐƯỜNG ống BÊ CHỨA DẦU KHÍ

Địa chỉ: số 35G đường 30/4, Phường 9, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2020

Mẫu số B 01a-DN

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2020	01/01/2020
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		293.152.397.668	288.777.533.163
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	2.186.999.106	2.940.758.790
1. Tiền	111		2.186.999.106	2.940.758.790
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		216.534.657.482	225.167.990.754
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.2	212.667.322.011	223.309.718.332
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.3	3.260.204.190	1.234.673.361
3. Phải thu theo tiến độ kế hoạch HĐXD	134		-	-
4. Các khoản phải thu khác	136	5.4	35.431.225.898	37.276.046.745
5. Dự phòng phải thu khó đòi (*)	137	5.7	(34.824.094.617)	(36.652.447.684)
IV. Hàng tồn kho	140	5.5	73.533.951.115	60.337.825.406
1. Hàng tồn kho	141		83.267.769.039	70.416.408.147
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		(9.733.817.924)	(10.078.582.741)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		896.789.965	330.958.213
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.6	35.866.207	90.855.850
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152	5.14	634.641.684	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	5.14	226.282.074	240.102.363
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		46.965.059.526	51.776.994.620
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		152.308.300	152.308.300
1. Phải thu dài hạn khác	216	5.4	152.308.300	152.308.300
II. Tài sản cố định	220		46.781.355.490	51.515.729.477
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.8	40.517.712.941	44.719.992.006
- Nguyên giá	222		141.138.421.816	146.091.969.148
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(100.620.708.875)	(101.371.977.142)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	5.9	597.134.600	659.444.294
- Nguyên giá	225		872.335.749	872.335.749
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		(275.201.149)	(212.891.455)
3. Tài sản cố định vô hình	227	5.10	5.666.507.949	6.136.293.177
- Nguyên giá	228		10.292.766.545	10.292.766.545
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(4.626.258.596)	(4.156.473.368)
III. Tài sản dài hạn khác	260		31.395.736	108.956.843
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.6	31.395.736	108.956.843
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		340.117.457.194	340.554.527.783

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP ĐƯỜNG ống BÉ CHỨA DẦU KHÍ

Địa chỉ: số 35G đường 30/4, Phường 9, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Mẫu số B 01a-DN

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2020

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2020	01/01/2020
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		266.103.446.828	259.102.530.971
I. Nợ ngắn hạn	310		264.574.646.828	256.922.230.680
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.12	119.039.042.157	116.852.823.165
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.13	33.326.497.908	34.787.610.782
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.14	17.110.057.281	17.215.332.801
4. Phải trả người lao động	314		9.511.252.149	6.226.959.639
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.15	18.454.636.435	18.491.390.126
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.16	18.298.177.276	17.406.964.589
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.11	48.486.133.884	45.208.469.224
8. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	5.17	-	383.830.616
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	5.19	348.849.738	348.849.738
II. Nợ dài hạn	330		1.528.800.000	2.180.300.291
1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	5.11	1.528.800.000	2.180.300.291
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		74.014.010.366	81.451.996.812
I. Vốn chủ sở hữu	410	5.19	74.014.010.366	81.451.996.812
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		200.000.000.000	200.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		200.000.000.000	200.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		150.826.415	150.826.415
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		14.984.594.051	14.984.594.051
4. Lợi nhuận chưa phân phối	421		(141.121.410.100)	(133.683.423.654)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		(133.683.423.654)	(111.875.812.889)
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		(7.437.986.446)	(21.807.610.765)
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		340.117.457.194	340.554.527.783

Vũng Tàu, ngày 31 tháng 07 năm 2020

NGƯỜI LẬP

KẾ TOÁN TRƯỞNG

GIÁM ĐỐC



Phạm Thị Thêu



Đinh Đức Anh



Nguyễn Đức Đạt

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP ĐƯỜNG ống BÊ CHỨA DẦU KHÍ

Địa chỉ: số 35G đường 30/4, Phường 9, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2020

Mẫu số B 02a-DN

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020	Từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	9.839.172.511	31.926.931.349
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	6.2	-	-
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		9.839.172.511	31.926.931.349
4. Giá vốn hàng bán	11	6.3	8.721.102.263	37.751.094.565
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		1.118.070.248	(5.824.163.216)
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.4	31.906.876	176.088.930
7. Chi phí tài chính	22	6.5	2.276.589.012	2.319.474.194
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		2.276.589.012	2.319.474.194
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên	24			
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.8	6.675.016.479	14.098.109.338
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(7.801.628.367)	(22.065.657.818)
11. Thu nhập khác	31	6.6	967.910.494	1.010.282.825
12. Chi phí khác	32	6.7	604.268.573	526.630.228
13. Lợi nhuận khác	40		363.641.921	483.652.597
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(7.437.986.446)	(21.582.005.221)
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.10	-	-
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		(7.437.986.446)	(21.582.005.221)
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	6.11	(372)	(1.079)
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	6.11	(372)	(1.079)

NGƯỜI LẬP

KẾ TOÁN TRƯỞNG

Vũng Tàu, ngày 31 tháng 07 năm 2020

GIÁM ĐỐC

Phạm Thị Thêu

Đinh Đức Anh

Nguyễn Đức Đạt



CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP ĐƯỜNG ống BÊ CHỨA DẦU KHÍ

Địa chỉ: số 35G đường 30/4, Phường 9, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

Mẫu số B 03a-DN

Theo phương pháp gián tiếp

Kỳ kế toán kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2020

Đơn vị tính: VND

Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	Từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020	Từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		(7.437.986.446)	(21.582.005.221)
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao tài sản cố định	02		2.544.676.105	3.224.931.255
- Các khoản dự phòng	03		(2.173.117.884)	3.210.367.871
- Lãi lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04			
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(429.936.267)	(1.429.395.042)
- Chi phí lãi vay	06		2.276.589.012	2.319.474.194
- Các khoản điều chỉnh khác	07			
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		(5.219.775.480)	(14.256.626.943)
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		9.840.864.944	47.089.278.506
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(12.851.360.892)	(20.666.904.701)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		4.374.751.488	(22.241.061.641)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		132.550.750	786.597.979
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13			
- Tiền lãi vay đã trả	14		(2.276.589.012)	(2.035.343.990)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15			
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16			
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17			
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(5.999.558.202)	(11.324.060.790)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21			
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		2.587.727.273	
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23			
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24			
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25			
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26			
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		31.906.876	194.539.813
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		2.619.634.149	194.539.813

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP ĐƯỜNG ống BỂ CHỨA DẦU KHÍ

Địa chỉ: số 35G đường 30/4, Phường 9, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Mẫu số B 03-DN

Theo phương pháp gián tiếp

Kỳ kế toán kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2020

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020	Từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31			-
Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu				
2. mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		20.287.229.092	34.931.034.378
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(17.533.864.459)	(26.357.440.005)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		(127.200.264)	(649.458.108)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		2.626.164.369	7.924.136.265
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		(753.759.684)	(3.205.384.712)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		2.940.758.790	4.124.374.509
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61			
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70		2.186.999.106	918.989.797

Vũng Tàu, ngày 31 tháng 07 năm 2020

NGƯỜI LẬP

KẾ TOÁN TRƯỞNG

GIÁM ĐỐC

Phạm Thị Thu

Đinh Đức Anh



Nguyễn Đức Đạt

1 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn:

Công ty Cổ phần Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí được thành lập tại Việt Nam theo Quyết định số 02/QĐ-HĐQT-TCT ngày 21/12/2007 và được chuyển đổi từ công ty TNHH Một thành viên Xây lắp Đường Ống Bồn bể Dầu khí thành công ty cổ phần theo Quyết định số 963/QĐ-XLKD ngày 16/11/2009 của Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3500833615 được cấp lần đầu vào ngày 26/11/2009 và thay đổi lần thứ 11 ngày 15 tháng 06 năm 2020.

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính:

Hoạt động chính của Công ty là khảo sát thiết kế và xây lắp.

Ngành nghề kinh doanh như sau:

- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác);
- Xây dựng công trình chế biến, chế tạo;
- Xây dựng công trình thủy;
- Xây dựng công trình cấp, thoát nước;
- Xây dựng nhà để ô;
- Xây dựng nhà không để ở;
- Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển;
- Xây dựng công trình đường bộ;
- Lắp đặt hệ thống xây dựng khác;
- Lắp đặt hệ thống điện;
- Sản xuất các cấu kiện kim loại;
- Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Hoàn thiện công trình xây dựng;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét;
- Đóng tàu và cấu kiện nổi;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Dịch vụ hỗ trợ tổng hợp;
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường:

640
CÔNG TY
CỔ PHẦN
XÂY LẮP
DẦU KHÍ
VIỆT NAM
N - 3

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Cấu trúc doanh nghiệp:

Công ty có trụ sở chính tại 35G, đường 30/4, phường 9, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Công ty có chi nhánh như sau:

Tên	Địa chỉ
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí – Xí nghiệp Xây lắp số 1	01 Phạm Văn Nghị, Phường Thắng Nhất, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, Việt Nam
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí – Xí nghiệp Xây lắp số 2	01 Phạm Văn Nghị, Phường Thắng Nhất, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, Việt Nam
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí – Xí nghiệp Xây lắp số 3	01 Phạm Văn Nghị, Phường Thắng Nhất, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, Việt Nam
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí – Xí nghiệp Xây lắp số 5 (*)	01 Phạm Văn Nghị, Phường Thắng Nhất, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, Việt Nam

(*) Theo Quyết định số 31/QĐ-HĐQT ngày 13 tháng 04 năm 2017 của Hội đồng Quản trị Công ty, Chi nhánh Công ty Cổ phần Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí – Xí nghiệp Xây lắp Số 5 đang trong quá trình thực hiện các thủ tục giải thể.

2 CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Chuẩn mực Kế toán và Chế độ Kế toán

Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 75/2015/TT-BTC ngày 18/05/2015, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp.

3 NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 năm hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam (VND)

4 TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN QUAN TRỌNG

4.1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính giữa niên độ

Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

4.2. Ước tính kế toán

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán kết thúc vào ngày 30/06/2020 của Công ty tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam; yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc kỳ kế toán cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ kế toán. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

4.3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi ngân hàng.

4.4. Các giao dịch ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng đồng tiền khác ngoài đồng Việt Nam (VND) được chuyển đổi thành đồng Việt Nam theo tỷ giá tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Các khoản chênh lệch tỷ giá đã thực hiện phát sinh trong kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí hoặc doanh thu hoạt động tài chính trong kỳ kế toán.

Số dư các tài sản bằng tiền, tương đương tiền và công nợ có gốc ngoại tệ vào ngày kết thúc kỳ kế toán được quy đổi sang đồng Việt Nam theo tỷ giá mua vào của ngân hàng có tài khoản giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí hoặc doanh thu hoạt động tài chính trong kỳ kế toán.

4.5. Nợ phải thu

Các khoản phải thu trình bày trong Báo cáo tài chính giữa niên độ theo giá trị ghi sổ phải thu từ khách hàng của Công ty và các khoản phải thu khác cộng với dự phòng nợ phải thu khó đòi. Tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Khoản phải thu có thời gian thu hồi hoặc thanh toán dưới 1 năm (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản ngắn hạn;
- Khoản phải thu có thời gian thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm (hoặc nhiều hơn một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản dài hạn.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên hoặc các khoản phải thu mà khách nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự (không bao gồm những khách hàng đã quá hạn trên nhưng đang tiến hành thanh toán hoặc có cam kết thanh toán trong thời gian tới).

4.6. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận là giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho được xác định bằng giá bán ước tính trừ đi các chi phí ước tính để tiêu thụ được hàng tồn kho.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định theo như sau:

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền tháng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho các vật tư, hàng hóa tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được theo quy định tại Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 02 "Hàng tồn kho" và Thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 08/08/2019 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp.

4.7. Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định:

Tài sản cố định được phản ánh theo nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế.

4.7.1 Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử. Các chi phí nâng cấp tài sản cố định hữu hình được vốn hóa, ghi tăng nguyên giá tài sản cố định; các chi phí bảo trì, sửa chữa được tính vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản cố định hữu hình đều được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Khấu hao TSCĐ hữu hình được tính theo phương pháp đường thẳng, áp dụng cho tất cả các tài sản theo tỷ lệ được tính toán để phân bổ nguyên giá trong suốt thời gian ước tính sử dụng và phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Thông tư 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC và Thông tư 28/2017/TT-BTC ngày 12/04/2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC.

Thời gian trích khấu hao tài sản cố định hữu hình của công ty như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 40 năm
Máy móc thiết bị	05 - 07 năm
Phương tiện vận tải	05 - 08 năm
Thiết bị văn phòng	03 - 05 năm

4.7.2. Tài sản cố định vô hình

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và các chi phí trực tiếp liên quan đến việc chuẩn bị để đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí nâng cấp tài sản được vốn hóa vào nguyên giá tài sản cố định; các chi phí khác được tính vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản cố định vô hình đều được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Khấu hao TSCĐ vô hình được tính theo phương pháp đường thẳng, áp dụng cho tất cả các tài sản theo tỷ lệ được tính toán để phân bổ nguyên giá trong suốt thời gian ước tính sử dụng và phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC và Thông tư số 28/2017/TT-BTC ngày 12/04/2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC và Thông tư số 147/2016/TT-BTC.

Thời gian trích khấu hao tài sản cố định vô hình của công ty như sau:

- | | |
|---------------------|-------------|
| - Phần mềm | 03 – 05 năm |
| - Quyền sử dụng đất | 10 năm |

4.7.3. Tài sản thuê tài chính

Tài sản thuê tài chính là tài sản Công ty đi thuê và phần lớn các quyền lợi và rủi ro về quyền sở hữu tài sản được chuyển sang cho người đi thuê. Công ty ghi nhận tài sản thuê tài chính là tài sản của Công ty theo giá trị thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm bắt đầu thuê và giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu. Nợ phải trả bên cho thuê tương ứng được ghi nhận trên bảng Cân đối kế toán như một khoản nợ phải trả về thuê tài chính. Các khoản thanh toán tiền thuê được chia thành chi phí tài chính và khoản phải trả nợ gốc nhằm đảm bảo tỷ lệ lãi suất định kỳ cố định trên số dư nợ còn lại. Chi phí thuê tài chính được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh, trừ khi các chi phí này trực tiếp hình thành nên tài sản đi thuê, trong trường hợp đó sẽ được vốn hóa theo chính sách kế toán của Công ty về chi phí đi vay. Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê tài sản.

Thời gian trích khấu hao tài sản thuê tài chính của công ty như sau:

- | | |
|-----------------------|--------|
| - Phương tiện vận tải | 07 năm |
|-----------------------|--------|

4.8. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm công cụ dụng cụ, giá trị của các tài sản không có đủ tiêu chuẩn là TSCĐ (có giá trị nhỏ hơn 30 triệu đồng), chi phí cấp quyền khai thác mỏ và các chi phí trả trước khác. Chi phí trả trước sẽ được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh trong thời gian hợp lý kể từ khi phát sinh.

4.9. Nợ phải trả

Các khoản phải trả trình bày trong Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ phải trả từ khách hàng của Công ty và các khoản phải trả khác và được chi tiết cho từng đối tượng phải trả. Tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Khoản phải trả có thời hạn thanh toán dưới 1 năm (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là ngắn hạn;
- Khoản phải trả có thời hạn thanh toán trên 1 năm (hoặc nhiều hơn một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là dài hạn.

4.10. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả bao gồm giá trị các khoản chi phí đã được tính vào chi phí hoạt động kinh doanh trong kỳ kế toán, nhưng chưa được thực chi vào thời điểm kết thúc kỳ kế toán, bao gồm: chi phí kiểm toán, chi phí thi công. Khi các chi phí đó phát sinh thực tế, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

4.11. Vốn chủ sở hữu

Nguyên tắc ghi nhận vốn góp của chủ sở hữu:

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

4.12. Doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch này.

- Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua và hàng hóa đã được giao cho người mua và được chấp nhận của khách hàng.
- Doanh thu xây dựng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong kỳ, khi Công ty đảm bảo thu được lợi ích từ hợp đồng xây dựng và chi phí để hoàn thành phần công việc đã hoàn thành tại thời điểm lập Báo cáo tài chính được tính toán một cách đáng tin cậy.
- Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích đã được chuyển giao cho khách hàng, dịch vụ đã được cung cấp và được khách hàng chấp nhận.
- Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm doanh thu phát sinh từ lãi tiền gửi, lãi tiền cho vay, lãi chênh lệch tỷ giá, và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác. Lãi tiền gửi, lãi tiền vay được xác định trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.
- Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

4.13. Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán phản ánh giá trị vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ bán ra trong kỳ, đảm bảo nguyên tắc phù hợp với doanh thu ghi nhận trong kỳ.

4.14. Nguyên tắc kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các khoản chi phí quản lý chung của Công ty, gồm các chi phí về tiền lương của bộ phận quản lý doanh nghiệp, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp, chi phí vật

liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao tài sản cố định dùng cho quản lý doanh nghiệp, tiền thuê đất, thuế môn bài, khoản dự phòng phải thu khó đòi, dịch vụ mua ngoài và chi phí bằng tiền khác

4.15. Chi phí hoạt động tài chính

Chi phí hoạt động tài chính của Công ty bao gồm các khoản chi phí lãi tiền vay, chi phí tiền bản quyền, chi phí cho hoạt động liên doanh phát sinh trong năm tài chính. Trong đó chi phí lãi tiền vay là gồm lãi vay phải trả trong năm của các khoản vay ngắn hạn và dài hạn của công ty.

4.16. Thuế

Thuế Giá trị gia tăng (GTGT):

- Thuế suất thuế GTGT: 10%

Thuế Thu nhập doanh nghiệp (TNDN):

Công ty phải nộp thuế TNDN với mức thuế suất là 20%

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ với thuế suất áp dụng trong kỳ kế toán. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa kế toán thuế và kế toán tài chính cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập hay chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

4.17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu/Lãi suy giảm trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông với số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng việc điều chỉnh lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông và số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành do ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông có tiềm năng suy giảm bao gồm trái phiếu chuyển đổi và quyền chọn cổ phiếu.

4.18. Bù trừ các công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản ký quỹ, các khoản đầu tư tài chính và các công cụ tài chính phái sinh.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả, các khoản nợ thuê tài chính, các khoản vay và công cụ tài chính phái sinh.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

4.19. Các bên liên quan

Việc trình bày mối quan hệ với các bên liên quan và các giao dịch giữa doanh nghiệp với các bên liên quan được thực hiện theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 26 "Thông tin về các bên liên quan" được ban hành và công bố theo Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2003 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư 161/2007/TT-BTC "Hướng dẫn thực hiện mười sáu (16) Chuẩn mực Kế toán ban hành theo Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31/12/2001, Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31/12/2002 và Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30/12/2003 của Bộ trưởng Bộ Tài chính" ban hành ngày 31/12/2007. Cụ thể:

Các bên liên quan được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các trường hợp được coi là bên liên quan: Các doanh nghiệp - kể cả công ty mẹ, công ty con, công ty liên kết - các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung kiểm soát với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như Giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được gọi là bên liên quan.

Trong việc xem xét mối quan hệ của từng bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải là hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên liên quan trong kỳ được trình bày ở Thuyết minh số 8.6.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP ĐƯỜNG ống BÊ CHỨA DẦU KHÍ

Địa chỉ: số 35G đường 30/4, Phường 9, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (tiếp theo)

Mẫu số B 09a-DN

Kỳ kế toán kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2020

Đơn vị tính: VND

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

	30/06/2020	01/01/2020
Tiền mặt	31.320.803	292.479.550
Tiền gửi ngân hàng	2.155.678.303	2.648.279.240
Cộng	2.186.999.106	2.940.758.790

5.2 Phải thu khách hàng

	30/06/2020	01/01/2020
a) Phải thu khách hàng ngắn hạn	212.667.322.011	223.309.718.332
Phải thu khách hàng trong nước (chỉ tiết chiếm từ 10% trở lên trên tổng khoản phải thu)	194.968.308.587	213.359.951.841
- Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam - CTCP (*)	105.065.928.101	103.696.806.955
- Ban Quản lý Dự án huyện Côn Đảo	1.820.510.209	3.648.863.276
- Công ty CP Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí	20.766.119.672	20.696.200.218
- Tổng Công ty CP Xây lắp Dầu khí Việt Nam	67.315.750.605	85.318.081.392
- Phải thu khách hàng khác	17.699.013.424	9.949.766.491
Cộng	212.667.322.011	223.309.718.332

b) Phải thu khách hàng dài hạn**c) Phải thu của khách hàng ngắn hạn là các bên liên quan**

Tổng Công ty CP Xây lắp Dầu khí Việt Nam (*)	67.315.750.605	85.318.081.392
Công ty CP Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí	20.766.119.672	20.696.200.218
Liên doanh Việt - Nga Vietsovpetro (*)	2.600.922.222	2.600.922.222
Công ty CP Chế tạo Giàn khoan Dầu khí	1.578.501.538	1.578.501.538
Công ty CP Đầu tư và Xây lắp Dầu khí Sài Gòn	1.062.727.230	1.062.727.230
Công ty TNHH MTV Xây lắp Dầu khí Hà Nội	149.346.035	149.346.035
Công ty CP Phân phối Khí thấp áp Dầu khí Việt Nam	62.166.603	62.166.603
Cộng	93.535.533.905	111.467.945.238

(*) Quyền đòi nợ từ các khoản phải thu liên quan tới Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam - CTCP, Tổng Công ty CP Xây lắp Dầu khí Việt Nam, Liên doanh Việt - Nga Vietsovpetro được dùng để đảm bảo cho khoản vay của Công ty tại Ngân hàng TMCP Quốc dân - CN Bà Rịa - Vũng Tàu, như được trình bày tại Thuyết minh 5.11.

5.3 Trả trước cho người bán ngắn hạn

	30/06/2020	01/01/2020
Công ty TNHH Sản xuất Cơ Khí Xây Dựng Thương Mại Quang Minh	326.480.000	326.480.000
Công ty Cổ phần Thiết bị Công nghiệp Mai Dương	169.000.000	169.000.000
Công ty TNHH Thiết Bị Điện Lực Duyên Hà	1.700.000.000	-
Các công ty khác	1.064.724.190	739.193.361
Cộng	3.260.204.190	1.234.673.361

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP ĐƯỜNG ống BỂ CHỨA DẦU KHÍ

Địa chỉ: số 35G đường 30/4, Phường 9, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (tiếp theo)

Mẫu số B 09a-DN

Kỳ kế toán kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2020

Đơn vị tính: VND

5.4 Phải thu khác

	30/06/2020		01/01/2020	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a) Ngắn hạn	35.431.225.898	(28.057.124.300)	37.276.046.745	(28.057.124.300)
- Phải thu khác	32.531.110.755	(28.057.124.300)	33.537.610.795	(28.057.124.300)
- Tạm ứng	656.970.869	-	712.167.635	-
- Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược	2.178.009.707	-	3.026.268.315	-
- Phải trả, phải nộp khác (dư Nợ)	65.134.567	-	-	-
- Cho mượn				
- Các khoản chi hộ				
b) Dài hạn	152.308.300		152.308.300	
- Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược	152.308.300		152.308.300	
c) Phải thu khác là các bên liên quan				
- Công ty Cổ phần Thiết bị Nội ngoại thất Dầu khí	26.414.393.577	(26.414.393.577)	26.414.393.577	(26.414.393.577)
- Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam	-	-	50.000.000	-
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Dầu khí Sài Gòn	62.118.449	(62.118.449)	62.118.449	(62.118.449)

5.5 Hàng tồn kho

	30/06/2020		01/01/2020	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên vật liệu	1.065.588.095	(525.901.148)	1.071.728.195	(525.901.148)
Công cụ, dụng cụ	1.426.143.583	(126.922.432)	1.510.479.684	(126.922.432)
Chi phí SXKD dở dang	80.776.037.361	(9.080.994.344)	67.834.200.268	(9.425.759.161)
Cộng	83.267.769.039	(9.733.817.924)	70.416.408.147	(10.078.582.741)

5.6 Chi phí trả trước

	30/06/2020	01/01/2020
a) Ngắn hạn	35.866.207	90.855.850
- Chi phí công cụ dụng cụ xuất dùng	35.866.207	90.855.850
b) Dài hạn	31.395.736	108.956.843
- Chi phí trả trước dài hạn khác	31.395.736	108.956.843
Cộng	67.261.943	199.812.693

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP ĐƯỜNG ống BÉ CHỨA DẦU KHÍ

Địa chỉ: số 35G đường 30/4, Phường 9, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (tiếp theo)

Mẫu số B 09a-DN

Kỳ kế toán kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2020

6.7 . NỢ XẤU

Đơn vị tính : VND

	30/06/2020			01/01/2020		
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Dự phòng
- Công ty Cổ phần Thiết bị Nội ngoại thất Dầu khí	26.414.393.577	-	(26.414.393.577)	26.414.393.577	-	(26.414.393.577)
- Ban Quản lý Dự án Huyện Côn Đảo	1.820.510.209	358.478.127	(1.462.032.082)	3.648.863.276	358.478.127	(3.290.385.149)
- Công ty CP Đầu tư và Xây lắp Dầu khí Sài Gòn	1.124.845.679	-	(1.124.845.679)	1.124.845.679	-	(1.124.845.679)
- Công ty TNHH MTV Xây lắp Dầu khí Hà Nội	149.346.035	-	(149.346.035)	149.346.035	-	(149.346.035)
- Các đối tượng khác	5.673.477.244	-	(5.673.477.244)	5.673.477.244	-	(5.673.477.244)
Cộng	35.182.572.744	358.478.127	(34.824.094.617)	37.010.925.811	358.478.127	(36.652.447.684)

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP ĐƯỜNG ống BÉ CHỨA DẦU KHÍ

Địa chỉ: số 35G đường 30/4, Phường 9, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (tiếp theo)

Mẫu số B 09a-DN

Kỳ kế toán kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2020

5.8 Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Đơn vị tính: VND

Khoản mục	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị dụng cụ quản lý	Cộng
I. Nguyên giá					
Số dư đầu năm	53.495.246.908	45.211.486.011	46.750.248.623	634.987.606	146.091.969.148
Tăng trong kỳ	-	-	-	-	-
Giảm trong kỳ	-	-	(4.953.547.332)	-	(4.953.547.332)
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	(4.953.547.332)	-	(4.953.547.332)
Số dư cuối kỳ	53.495.246.908	45.211.486.011	41.796.701.291	634.987.606	141.138.421.816
II. Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	15.064.390.978	41.731.483.986	44.020.967.722	555.134.456	101.371.977.142
Tăng trong kỳ	996.287.651	738.507.274	251.609.588	26.176.670	2.012.581.183
- Số khấu hao trong kỳ	996.287.651	738.507.274	251.609.588	26.176.670	2.012.581.183
Giảm trong kỳ	-	-	(2.763.849.450)	-	(2.763.849.450)
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	(2.763.849.450)	-	(2.763.849.450)
Số dư cuối kỳ	16.060.678.629	42.469.991.260	41.508.727.860	581.311.126	100.620.708.875
III. Giá trị còn lại					
1. Tại ngày đầu năm	38.430.855.930	3.480.002.025	2.729.280.901	79.853.150	44.719.992.006
2. Tại ngày cuối kỳ	37.434.568.279	2.741.494.751	287.973.431	53.676.480	40.517.712.941

- Giá trị còn lại của tài sản thế chấp cầm cố:

1.958.298.014 VND

- Nguyên giá tài sản đã khấu hao hết, đang sử dụng tại ngày 30/06/2020:

79.615.397.782 VND

Tài sản cố định hữu hình trình bày trên Bảng cân đối kế toán tại ngày 30/06/2020 bao gồm giá trị tài sản trên đất tại lô đất ở địa chỉ 35D, đường 30/4, Phường 9, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, với nguyên giá và hao mòn lũy kế tại ngày 30/06/2020 lần lượt là 2.829.477.273 VND và 990.317.034 VND có nguồn gốc từ việc chuyển nhượng từ một bên thứ ba không phải là chủ sử dụng đất thuê và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã hết thời hạn. Đến thời điểm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ này, Công ty vẫn đang trong quá trình làm thủ tục xin gia hạn thời gian thuê đất và sang tên cho Công ty Quyền sử dụng đất của lô đất nêu trên. Công ty chưa nhận được quyết định chính thức của Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền về vấn đề nêu trên nên Ban Giám đốc Công ty chưa đánh giá được ảnh hưởng của vấn đề này (nếu có) đến các khoản mục có liên quan trên Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc tại 30/06/2020.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP ĐƯỜNG ống BỂ CHỨA DẦU KHÍ

Địa chỉ: số 35G đường 30/4, Phường 9, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (tiếp theo)

Mẫu số B 09a-DN

Kỳ kế toán kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2020

Đơn vị tính: VND

5.9 Tài sản cố định thuê tài chính

Khoản mục	Phương tiện vận tải	Tổng
I. Nguyên giá		
Số dư đầu năm	872.335.749	872.335.749
Tăng trong kỳ		
Giảm trong kỳ		
Số dư cuối kỳ	872.335.749	872.335.749
II. Giá trị hao mòn lũy kế		
Số dư đầu năm	212.891.455	212.891.455
Khấu hao trong kỳ	62.309.694	62.309.694
Giảm trong kỳ		
Số dư cuối kỳ	275.201.149	275.201.149
III. Giá trị còn lại		
1. Tại ngày đầu năm	659.444.294	659.444.294
2. Tại ngày cuối kỳ	597.134.600	597.134.600

5.10 Tài sản cố định vô hình

Khoản mục	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Tổng
I. Nguyên giá			
Số dư đầu năm	9.395.704.545	897.062.000	10.292.766.545
Tăng trong kỳ			-
Giảm trong kỳ			-
Số dư cuối kỳ	9.395.704.545	897.062.000	10.292.766.545
II. Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	3.259.411.368	897.062.000	4.156.473.368
Khấu hao trong kỳ	469.785.228	-	469.785.228
Giảm trong kỳ			-
Số dư cuối kỳ	3.729.196.596	897.062.000	4.626.258.596
III. Giá trị còn lại			
1. Tại ngày đầu năm	6.136.293.177	-	6.136.293.177
2. Tại ngày cuối kỳ	5.666.507.949	-	5.666.507.949

- Giá trị còn lại của tài sản cố định vô hình thế chấp cầm cố:

- VND

- Nguyên giá TSCĐ đã khấu hao hết, đang sử dụng tại 30/06/2020:

897.062.000 VND

Tài sản cố định vô hình trên Bảng cân đối kế toán tại ngày 30/06/2020 bao gồm giá trị quyền sử dụng đất thuê và dịch vụ trên đất thuê tại các lô đất ở địa chỉ 35D và 35G, đường 30/4, phường 9, tp. Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, với tổng nguyên giá và hao mòn lũy kế tại ngày 30/06/2020 lần lượt là 9.395.704.545 VND và 3.729.196.596 VND, có nguồn gốc từ việc nhận chuyển nhượng từ một bên thứ ba không phải là chủ sử dụng đất thuê và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã hết thời hạn. Quyền sử dụng đất được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 10 năm. Thời gian khấu hao là thời gian thuê đất dự kiến sau khi hoàn tất thủ tục gia hạn thời gian thuê đất với UBND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Ban Giám đốc đánh giá và tin tưởng rằng thời gian khấu hao của Quyền sử dụng đất là phù hợp.

Đến thời điểm lập Báo cáo tài chính này, Công ty đang trong quá trình làm thủ tục xin gia hạn thời gian thuê và sang tên cho Công ty quyền sử dụng đất của hai lô đất trên, đồng thời, Công ty chưa nhận được quyết định chính thức của Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền về vấn đề nêu trên nên Công ty chưa đánh giá được ảnh hưởng của vấn đề này (nếu có) đến các khoản mục có liên quan trên Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán kết thúc tại 30/06/2020.



Scanned with CamScanner

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP ĐƯỜNG ống BÉ CHỨA DẦU KHÍ

Địa chỉ: số 35G đường 30/4, Phường 9, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (tiếp theo)

Mẫu số B 09a - DN

Kỳ kế toán kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2020

5.11 . VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

	30/06/2020		Trong kỳ		01/01/2020	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a) Vay và nợ thuê tài chính	48.486.133.884	48.486.133.884	20.853.929.207	17.576.264.547	45.208.469.224	45.208.469.224
Vay ngắn hạn	46.604.233.461	46.604.233.461	19.712.428.916	16.257.564.283	43.149.368.828	43.149.368.828
Ngân hàng TMCP Quốc Dân - chi nhánh Bà Rịa - Vũng Tàu (1)	44.787.673.461	44.787.673.461	17.695.868.916	16.057.564.283	43.149.368.828	43.149.368.828
Trần Đình Tú (2)	16.560.000	16.560.000	16.560.000			0
Trần Thị Tuyết (3)	1.800.000.000	1.800.000.000	2.000.000.000	200.000.000		
Vay dài hạn đến hạn trả	1.881.900.423	1.881.900.423	1.141.500.291	1.318.700.264	2.059.100.396	2.059.100.396
Ngân hàng TMCP Quốc Dân - chi nhánh Bà Rịa - Vũng Tàu (4)	1.669.900.000	1.669.900.000	993.100.000	1.191.500.000	1.868.300.000	1.868.300.000
Công ty TNHH Cho thuê Tài chính Quốc tế Việt Nam (5)	212.000.423	212.000.423	148.400.291	127.200.264	190.800.396	190.800.396
b) Vay dài hạn	1.528.800.000	1.528.800.000	-	651.500.291	2.180.300.291	2.180.300.291
Ngân hàng TMCP Quốc Dân - Chi nhánh Bà Rịa - Vũng Tàu (4)	1.528.800.000	1.528.800.000		503.100.000	2.031.900.000	2.031.900.000
Công ty TNHH Cho thuê Tài chính Quốc tế Việt Nam (5)	-	-		148.400.291	148.400.291	148.400.291
Cộng	50.014.933.884	50.014.933.884	20.853.929.207	18.227.764.838	47.388.769.515	47.388.769.515

	Từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020			Từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019		
	Tổng khoản thanh toán tiền thuê tài chính	Trả tiền lãi thuê tài chính	Trả nợ gốc	Tổng khoản thanh toán tiền thuê tài chính	Trả tiền lãi thuê tài chính	Trả nợ gốc
<i>Từ 1 năm đến 5 năm</i>	138.969.020	11.768.756	127.200.264	146.217.925	19.017.661	127.200.264
Cộng	138.969.020	11.768.756	127.200.264	146.217.925	19.017.661	127.200.264

c) Giá trị nợ thuê tài chính

	30/06/2020		01/01/2020	
	Giá đánh giá lại	Giá gốc	Giá đánh giá lại	Giá gốc
Gốc nợ thuê tài chính	212.000.423	212.000.423	339.200.687	339.200.687
Lãi thuê tài chính phải trả	7.987.135	7.987.135	19.755.891	19.755.891
Cộng	219.987.558	219.987.558	358.956.578	358.956.578

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (tiếp theo)

Mẫu số B 09a-DN

Kỳ kế toán kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2020

Đơn vị tính: VND

5.11 Vay và nợ thuê tài chính (tiếp theo)

(1) Vay ngắn hạn của Ngân hàng TMCP Quốc dân - chi nhánh Bà Rịa - Vũng Tàu theo các hợp đồng Hạn mức cấp tín dụng như sau:

+ Hợp đồng tín dụng 07/20/HĐHM-9232 ngày 15/01/2020 có hạn mức tín dụng 131 tỷ đồng, trong đó: hạn mức cho vay là 50 tỷ đồng, hạn mức bảo lãnh là 75 tỷ đồng và hạn mức thấu chi là 6 tỷ đồng, thời gian vay cho mỗi khoản vay không vượt quá 12 tháng và được quy định cụ thể theo từng Khế ước, mục đích vay là bổ sung vốn kinh doanh thực hiện hợp đồng đối với các đối tác ngành dầu khí, biện pháp bảo đảm tiền vay được quy định trong hợp đồng thế chấp số 267/18/HĐTC-9232 ngày 21/08/2018 giữa Công ty và Ngân hàng là quyền đòi nợ khoản phải thu của Công ty đối với Chủ đầu tư các dự án do Công ty thực hiện.

+ Hợp đồng tín dụng số 33/19/HĐHM-9232 ngày 30/05/2019 và phụ lục số 10/PLHDDHMTD/33/19/HĐHM-9232 ngày 01/11/2019 có hạn mức tín dụng là 20 tỷ đồng, thời hạn vay tối đa cho mỗi khoản vay theo từng lần giải ngân trong hạn mức không vượt quá 12 tháng, ngày đến hạn mỗi khế ước nhận nợ không vượt quá 31/12/2020, mục đích vay là bổ sung vốn thực hiện các gói thầu thi công. Biện pháp bảo đảm khoản vay được quy định trong hợp đồng thế chấp số 129/16/HĐTC/11-79 ngày 29/12/2016 và Hợp đồng sửa đổi, bổ sung số 004-129/18/HĐSĐBS/HĐTC-9232 ngày 01/11/2019 giữa Công ty và Ngân hàng là quyền đòi nợ khoản phải thu của Công ty đối với Chủ đầu tư các dự án do Công ty thực hiện.

(2) Hợp đồng cho vay vốn số 04/2020-HĐVV/DOBC-TĐT ngày 01/06/2020 ký với ông Trần Đình Tú, số tiền vay là 100 triệu đồng, thời gian vay là 3 tháng kể từ ngày ký hợp đồng, lãi suất vay là 0%/năm, mục đích vay để bổ sung vốn lưu động, vay dưới hình thức tín chấp.

(3) Hợp đồng cho vay vốn số 01/2020-HĐVV/DOBC-TTT ngày 03/03/2020 và hợp đồng cho vay số 02/2020-HĐVV/DOBC-TTT ngày 10/03/2020 ký với bà Trần Thị Tuyết, số tiền vay lần lượt là 700 triệu đồng và 1,1 tỷ đồng, thời gian vay là 3 tháng kể từ ngày ký hợp đồng, lãi suất vay là 12%/năm, mục đích vay để bổ sung vốn lưu động, vay dưới hình thức tín chấp.

(4) Vay dài hạn của Ngân hàng TMCP Quốc dân - chi nhánh Bà Rịa - Vũng Tàu theo các hợp đồng sau:

+ Hợp đồng cho vay số 098/17/HĐCV - 9232 ngày 23/06/2017, số tiền vay là 5,36 tỷ đồng. Thời hạn vay là 84 tháng, được quy định cụ thể tại từng khế ước nhận nợ. Mục đích vay vốn để đầu tư mua máy móc thiết bị, lãi suất thả nổi, tài sản bảo đảm được quy định cụ thể trong hợp đồng thế chấp số 124/17/HĐTC-9232 ngày 23/06/2017 và hợp đồng thế chấp số 125/17/HĐTC-9232 ngày 23/06/2017.

+ Hợp đồng cho vay số 210/15/HĐCV/111-11 ký ngày 12/11/2015 với số tiền cho vay là 9,8 tỷ đồng, thời hạn vay là 60 tháng, mục đích vay để bù đắp thanh toán tiền đầu tư 02 xe cầu bánh lốp Grove TMS760E, lãi suất thả nổi. Biện pháp bảo đảm khoản vay là xe thuộc quyền sử hữu của Công ty.

(5) Thuê tài chính của Công ty TNHH Cho thuê Tài chính Quốc tế Việt Nam theo hợp đồng số 2018-00027-000 ngày 29/03/2018. Tài sản thuê là một xe ô tô Ford Ranger 4x4 Wildtrak 2.2. Số tiền thuê là 763.662.000 VND. Thời gian thuê là 36 tháng kể từ ngày Bên cho thuê thông báo cho Công ty. Lãi suất thuê 8,2%, giá mua lại 0,5% giá mua tài sản.

5.12 Phải trả người bán

	30/06/2020		01/01/2020	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a) Các khoản phải trả người bán ngắn hạn	119.039.042.157	119.039.042.157	116.852.823.165	116.852.823.165
Các khoản phải trả người bán chiếm từ 10% trở lên	33.345.000.000	33.345.000.000	33.345.000.000	33.345.000.000
- Công ty Cổ phần Thương mại Dầu khí Petechim JSC	33.345.000.000	33.345.000.000	33.345.000.000	33.345.000.000
Các khoản phải trả người bán khác	85.694.042.157	85.694.042.157	83.507.823.165	83.507.823.165
Cộng	119.039.042.157	119.039.042.157	116.852.823.165	116.852.823.165

b) Các khoản phải trả người bán dài hạn

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP ĐƯỜNG ống BÊ CHỨA DẦU KHÍ

Địa chỉ: số 35G đường 30/4, Phường 9, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (tiếp theo)

Mẫu số B 09a-DN

Kỳ kế toán kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2020

Đơn vị tính: VND

5.12 Phải trả người bán (tiếp theo)

c) Phải trả người bán là các bên liên quan

	30/06/2020		01/01/2020	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Công ty Cổ phần Thương mại Dầu khí Petechim JSC	33.345.000.000	33.345.000.000	33.345.000.000	33.345.000.000
Công ty Cổ phần XD Công nghiệp và Dân dụng Dầu khí	7.734.037.772	7.734.037.772	7.314.984.135	7.314.984.135
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng và Đô thị Dầu khí	3.402.150.671	3.402.150.671	3.402.150.671	3.402.150.671
Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí Vũng Tàu	1.697.424.212	1.697.424.212	1.697.424.212	1.697.424.212
Công ty Chế tạo Giàn khoan Dầu khí	1.579.741.998	1.579.741.998	1.579.741.998	1.579.741.998
Công ty CP Xây lắp Dầu khí Miền trung	824.836.664	824.836.664	824.836.664	824.836.664
Liên doanh Việt - Nga Vietsovetro	14.916.000	14.916.000	476.510.000	476.510.000
Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam	150.700.000	150.700.000	150.700.000	150.700.000
Công ty Cổ phần Tư vấn Khảo sát Dầu khí PVE	142.181.490	142.181.490	142.181.490	142.181.490
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Hà Nội	88.545.941	88.545.941	88.545.941	88.545.941
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Vũng Tàu	37.700.000	37.700.000	37.700.000	37.700.000
Chi nhánh Xây lắp Công trình Dầu khí Phía bắc - Tổng Công ty Cổ Phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam	936.295.036	936.295.036	936.295.036	936.295.036
Ban điều hành dự án nhà máy nhiệt điện Thái Bình 2	840.660.859	840.660.859	840.660.859	840.660.859
Công ty Cổ phần tư vấn Thiết kế Dầu khí	1.186.039	1.186.039	1.186.039	1.186.039
Công ty Cổ phần xăng dầu dầu khí Thái Bình	43.861.000	43.861.000	43.861.000	43.861.000
Cộng	50.839.237.682	50.839.237.682	50.881.778.045	50.881.778.045

G T

 M H

 F

 NA

 N

5.13 Người mua trả tiền trước

	30/06/2020	01/01/2020
a) Người mua trả tiền trước ngắn hạn		
- Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam	31.408.774.036	25.366.722.108
- Các khoản người mua trả tiền trước khác	1.917.723.872	9.420.888.674
Cộng	33.326.497.908	34.787.610.782
b) Người mua trả tiền trước là các bên liên quan		
- Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam	31.408.774.036	25.366.722.108

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP ĐƯỜNG ống BÊ CHỨA DẦU KHÍ

Địa chỉ: số 35G đường 30/4, Phường 9, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (tiếp theo)

Mẫu số B 09a-DN

Kỳ kế toán kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2020

Đơn vị tính: VND

5.14 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

a) Phải nộp	01/01/2020	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp/bù trừ trong kỳ	30/06/2020
- Thuế GTGT	15.953.151.020	1.129.970.174	1.401.356.330	15.681.764.864
- Thuế TNDN	-	-	-	-
- Thuế TNCN	163.129.672	123.268.134	71.113.988	215.283.818
- Thuế bảo vệ môi trường và các loại thuế khác	-	2.000.000	2.000.000	-
- Thuế nhà đất, tiền thuê đất	286.371.438	113.956.490	-	400.327.928
- Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	812.680.671	-	-	812.680.671
Cộng	17.215.332.801	1.369.194.798	1.474.470.318	17.110.057.281
b) Phải thu				
- Thuế TNDN	199.584.417	-	-	199.584.417
- Thuế TNCN	40.517.946	13.820.289	-	26.697.657
Cộng	240.102.363	13.820.289	-	226.282.074

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

5.15 Chi phí phải trả

	30/06/2020	01/01/2020
a) Ngắn hạn	18.454.636.435	18.491.390.126
- Chi phí thi công công trình	15.244.136.596	15.330.514.437
- Lãi vay phải trả	67.660.274	97.810.116
- Các khoản trích trước khác	3.142.839.565	3.063.065.573
b) Dài hạn	-	-
Cộng	18.454.636.435	18.491.390.126

5.16 Các khoản phải trả khác

	30/06/2020	01/01/2020
a) Ngắn hạn	18.298.177.276	17.406.964.589
- Kinh phí công đoàn	1.743.494.512	1.681.219.632
- Bảo hiểm xã hội	5.795.241.584	5.336.941.733
- Bảo hiểm y tế	368.008.914	217.630.026
- Bảo hiểm thất nghiệp	96.892.388	124.564.000
- Các khoản phải trả khác	10.294.539.878	10.046.609.198
+ Liên doanh Việt - Nga Vietsovetpetro	2.584.312.000	2.584.312.000
+ Các đối tượng khác	7.710.227.878	7.462.297.198
Cộng	18.298.177.276	17.406.964.589
b) Dài hạn	-	-
c) Các khoản phải trả khác là bên liên quan		
+ Liên doanh Việt - Nga Vietsovetpetro	2.584.312.000	2.584.312.000
+ Tổng công ty cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam	13.000.000	13.000.000

5.17 Dự phòng phải trả

	30/06/2020	01/01/2020
a) Ngắn hạn	-	383.830.616
Dự phòng bảo hành công trình, sản phẩm	-	383.830.616
b) Dài hạn	-	-
Cộng	-	383.830.616

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP ĐƯỜNG ÓNG BÊ CHỨA DẦU KHÍ

Địa chỉ: số 35G đường 30/4, Phường 9, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (tiếp theo)

Kỳ kế toán kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2020

Mẫu số B 09a-DN

Đơn vị tính: VND

5.18 Nợ quá hạn chưa thanh toán

	30/06/2020		01/01/2020	
	Giá trị	Số quá hạn thanh toán	Giá trị	Số quá hạn thanh toán
Công ty CP Thương mại Dầu khí (Petechim JSC)	33.345.000.000	33.345.000.000	33.345.000.000	33.345.000.000
Công ty Cổ Phần FECON	6.189.525.220	6.189.525.220	-	-
Công ty CP xây lắp Dầu khí 2	4.629.966.337	4.629.966.337	-	-
Công ty Cấp Điện và Hệ thống LS - Vina	3.515.637.122	3.515.637.122	-	-
Chi nhánh Công Ty CP Đầu tư Hạ Tầng và Đô Thị Dầu Khí	3.402.150.671	3.402.150.671	-	-
Các đối tượng khác	69.607.753.537	69.607.753.537	1.512.479.466	1.512.479.466
Cộng	120.690.032.887	120.690.032.887	34.857.479.466	34.857.479.466



CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP ĐƯỜNG ỐNG BÈ CHỨA DẦU KHÍ

Địa chỉ: số 35G đường 30/4, Phường 9, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (tiếp theo)

Mẫu số B 09a-DN

Kỳ kế toán kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2020

5.19 Vốn chủ sở hữu**Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

Đơn vị tính: VND

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Vốn khác của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Số dư đầu năm trước	200.000.000.000		150.826.415	14.984.594.051		(111.875.812.889)	103.259.607.577
Tăng vốn năm trước							-
Lãi trong năm trước							-
Tăng khác					-		-
Giảm vốn trong năm trước						-	-
Lỗ trong năm trước						(21.807.610.765)	(21.807.610.765)
Giảm khác						-	-
Số dư cuối năm trước	200.000.000.000	-	150.826.415	14.984.594.051	-	(133.683.423.654)	81.451.996.812
Tăng vốn trong kỳ này							-
Lãi trong kỳ này							-
Tăng khác					-		-
Giảm vốn trong kỳ này						-	-
Lỗ trong kỳ này						(7.437.986.446)	(7.437.986.446)
Giảm khác							-
Số dư cuối kỳ này	200.000.000.000	-	150.826.415	14.984.594.051	-	(141.121.410.100)	74.014.010.366

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (tiếp theo)

Mẫu số B 09a-DN

Kỳ kế toán kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2020

Đơn vị tính: VND

Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu	Tỷ lệ sở hữu	30/06/2020	01/01/2020
Vốn góp của các đối tượng khác			
- Tổng Công ty CP Xây lắp Dầu khí Việt Nam	51%	102.000.000.000	102.000.000.000
- Các đối tượng khác	49%	98.000.000.000	98.000.000.000
Cộng	100%	200.000.000.000	200.000.000.000

b) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020	Từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019
- Vốn góp đầu năm	200.000.000.000	200.000.000.000
- Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
- Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
- Vốn góp cuối kỳ	200.000.000.000	200.000.000.000
Cổ phiếu	30/06/2020	01/01/2020
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	20.000.000	20.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	20.000.000	20.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	20.000.000	20.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	20.000.000	20.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	20.000.000	20.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phần

Các quỹ của doanh nghiệp

	30/06/2020 (VND)	01/01/2020 (VND)
Quỹ đầu tư phát triển	14.984.594.051	14.984.594.051
Quỹ khen thưởng phúc lợi	348.849.738	348.849.738
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	-	-
Cộng	15.333.443.789	15.333.443.789

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

6.1 Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	Từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020	Từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019
- Doanh thu hợp đồng xây lắp	8.320.313.590	30.857.561.384
- Doanh thu khác	1.518.858.921	1.069.369.965
Cộng	9.839.172.511	31.926.931.349

Doanh thu các bên liên quan

- Công ty Cổ phần Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí	390.803.443	-
- Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam	-	(1.807.411.348)
- Công ty Cổ phần Phân bón Dầu khí Cà Mau	-	19.665.668.426
- CN Tổng Công ty Khí Việt Nam - CTCP - Công ty Quản lý Dự án Khí	-	2.585.372.037
- Công ty Cổ phần Tư vấn Thiết kế Dầu khí	-	13.636.364
- Liên doanh Việt - Nga Vietsovpetro	-	10.106.250.978
Cộng	390.803.443	30.563.516.457

6.2 Các khoản giảm trừ doanh thu

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP ĐƯỜNG ống BỂ CHỨA DẦU KHÍ

Địa chỉ: số 35G đường 30/4, Phường 9, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (tiếp theo)

Kỳ kế toán kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2020

Mẫu số B 09a-DN

Đơn vị tính: VND

6.3 Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ

	Từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020	Từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019
- Giá vốn xây lắp	8.208.400.379	33.736.721.445
- Giá vốn bán hàng khác	512.701.884	4.014.373.120
Cộng	8.721.102.263	37.751.094.565

6.4 Doanh thu hoạt động tài chính

	Từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020	Từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019
Lãi tiền gửi, cho vay	31.906.876	176.088.930
Cộng	31.906.876	176.088.930

6.5 Chi phí tài chính

	Từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020	Từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019
Lãi tiền vay	2.276.589.012	2.319.474.194
Cộng	2.276.589.012	2.319.474.194

6.6 Thu nhập khác

	Từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020	Từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019
Lãi từ hoạt động thanh lý tài sản cố định	398.029.391	-
- Thu nhập khác từ việc thanh lý tài sản cố định	2.587.727.273	-
- Giá trị còn lại	(2.189.697.882)	-
- Các khoản thu nhập khác	569.881.103	1.010.282.825
Cộng	967.910.494	1.010.282.825

6.7 Chi phí khác

	Từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020	Từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019
Các khoản bị phạt	604.268.573	526.630.227
Các khoản chi phí khác		1
Cộng	604.268.573	526.630.228

6.8 Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020	Từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019
Chi tiết các khoản chiếm từ 10% trở lên trên tổng chi phí quản lý doanh nghiệp	5.927.483.204	13.198.989.660
Chi phí nhân công	5.013.164.261	8.778.174.830
Chi phí khấu hao tài sản cố định	969.080.107	1.829.875.796
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.773.591.903	2.619.259.022
Dự phòng phải thu khó đòi	-	(28.319.988)
Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi	(1.828.353.067)	-
Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	747.533.275	899.119.678
Cộng	6.675.016.479	14.098.109.338

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP ĐƯỜNG ống BÊ CHỨA DẦU KHÍ

Địa chỉ: số 35G đường 30/4, Phường 9, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (tiếp theo)

Mẫu số B 09a-DN

Kỳ kế toán kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2020

Đơn vị tính: VND

6.9 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020	Từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	3.003.251.262	7.272.034.632
Chi phí nhân công	13.915.531.581	14.553.219.150
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.930.694.368	3.224.931.255
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.677.229.946	12.551.892.869
Chi phí dự phòng	(1.828.353.067)	3.210.367.871
Chi phí bằng tiền khác	2.924.056.411	538.218.093
Cộng	25.622.410.501	41.350.663.870

6.9 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020	Từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(7.437.986.446)	(21.582.005.221)
- Các khoản điều chỉnh tăng lợi nhuận kế toán trước thuế	5.695.325.245	2.021.967.678
+ Các khoản bị phạt	309.750.420	526.630.227
+ Chi phí không được trừ	5.385.574.825	1.495.337.451
- Các khoản điều chỉnh giảm lợi nhuận kế toán trước thuế	-	-
+ Lãi cổ tức được chia trong năm	-	-
Thu nhập chịu thuế	(1.742.661.201)	(19.560.037.543)
Thu nhập tính thuế	-	-
Thuế suất thuế TNDN	20%	20%
Chi phí thuế TNDN hiện hành	-	-

6.11 Lãi cơ bản/Lãi suy giảm trên cổ phiếu

	Từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020	Từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019
Lợi nhuận kế toán sau thuế	(7.437.986.446)	(21.582.005.221)
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu		
Cổ phiếu lưu hành bình quân trong kỳ	20.000.000	20.000.000
Lãi cơ bản/lãi suy giảm trên cổ phiếu	(372)	(1.079)

7. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ**8. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC****8.1 Những khoản nợ tiềm tàng, khoản cam kết và những thông tin tài chính khác**

Căn cứ Báo cáo tình hình công nợ số 197/BC-PETROLAND ngày 14/03/2019 của Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng và Đô thị Dầu khí (Petroland), Công ty đang có khoản công nợ phải trả tiềm tàng với Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng và Đô thị Dầu khí (Petroland) với số tiền 15.606.998.071 VND, trong đó, tiền phí quản lý tài sản: 2.108.837.500 VND và tiền phạt chậm thanh toán tiền công nợ: 13.498.160.571 VND. Đến ngày 26/03/2019, Công ty có báo cáo phản hồi về việc công nợ trên theo Báo cáo công nợ số 195/BC-DOBC với nội dung yêu cầu bồi thường liên quan đến hợp đồng 145/PVC-PT-PETROLAND ngày 21/12/2010 vì lý do chậm trễ trong việc bàn giao Giấy chứng quyền sở hữu tầng 6 cho Công ty đến hết tháng 02/2019 tạm tính là 20.305.063.352 VND nên Ban Giám đốc đã đánh giá và tin tưởng rằng Công ty sẽ không phải trả khoản công nợ tiềm tàng này. Đến thời điểm lập báo cáo tài chính này, Công ty vẫn đang phối hợp làm việc với Petroland và chưa ghi nhận bất kỳ khoản công nợ phải thu/phải trả nào liên quan đến vấn đề này.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (tiếp theo)

Mẫu số B 09a-DN

Kỳ kế toán kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2020

Đơn vị tính: VND

8.2 Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Ngày 10/07/2020, Công ty nhận được các Quyết định về việc cưỡng chế thi hành quyết định hành chính thuế bằng biện pháp phong tỏa tài khoản ngân hàng của Cục thuế tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu với lý do: Người nộp thuế nợ tiền thuế, chậm nộp tiền thuế đã quá 90 (chín mươi) ngày kể từ ngày hết thời hạn nộp thuế, hết thời hạn gia hạn nộp thuế theo quy định của Luật Quản lý thuế và của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

8.3 Báo cáo bộ phận

Công ty không lập báo cáo bộ phận vì không thỏa mãn 1 trong 3 điều kiện phải lập báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh hay khu vực địa lý theo Thông tư 20/2006/TT-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn thực hiện 06 chuẩn mực kế toán ban hành theo Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15/02/2005 của Bộ Tài chính.

8.4 Các sự kiện quan trọng phát sinh trong kỳ kế toán

Ngày 09/06/2020, Hội đồng Quản trị Công ty thực hiện họp và ban hành Quyết định số 15/QĐ-HĐQT với nội dung Ông Trần Quang Ngọc thôi kiêm Quyền Giám đốc kể từ ngày 09/06/2020 và Quyết định số 16/QĐ-HĐQT với nội dung bổ nhiệm ông Nguyễn Đức Đạt - Người đại diện phần vốn góp của PVC tại Công ty giữ chức Giám đốc và là Người đại diện theo pháp luật của Công ty từ ngày 09/06/2020.

Nghị quyết số 01/NQ/ĐHĐCD ngày 16/06/2020 thực hiện miễn nhiệm HĐQT cũ và bổ nhiệm HĐQT mới chi tiết như Báo cáo của Ban Giám đốc.

8.5 Công cụ tài chính

Công ty chịu các rủi ro sau khi sử dụng công cụ tài chính:

- Rủi ro thị trường
- Rủi ro tín dụng
- Rủi ro thanh khoản

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm chung đối với việc thiết lập và giám sát nguyên tắc quản lý rủi ro tài chính. Ban Giám đốc thiết lập các chính sách nhằm phát hiện và phân tích các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các biện pháp kiểm soát rủi ro và các hạn mức rủi ro thích hợp, và giám sát các rủi ro và việc thực hiện các hạn mức rủi ro. Hệ thống và chính sách quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của các điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Ban Giám đốc xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:

(i) Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường có bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ, rủi ro về giá hàng hóa và rủi ro về giá khác.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn và các khoản vay của Công ty.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Rủi ro về ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái. Công ty chịu rủi ro do sự thay đổi của tỷ giá hối đoái liên quan trực tiếp đến hoạt động kinh doanh của Công ty.

(ii) Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng giao dịch không thực hiện được nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có thể có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình, và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng, các khoản cho vay và các công cụ tài chính khác.

Phải thu khách hàng

Công ty thường xuyên theo dõi các khoản phải thu khách hàng chưa thu được. Đối với các khách hàng lớn, Công ty xem xét sự suy giảm trong chất lượng tín dụng của từng khách hàng tại ngày lập báo cáo. Công ty tìm cách duy trì sự kiểm soát chặt chẽ các khoản phải thu tồn đọng và bố trí nhân sự kiểm soát tín dụng để giảm thiểu rủi ro tín dụng.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (tiếp theo)

Mẫu số B 09a-DN

Kỳ kế toán kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2020

Đơn vị tính: VND

Công ty sẽ lập dự phòng giảm giá trị để phản ánh mức độ thiệt hại ước tính đối với phải thu khách hàng, phải thu khác và các khoản đầu tư. Thành phần chính của khoản dự phòng giảm giá trị này là khoản lỗ cụ thể có liên quan đến mức độ thiệt hại cụ thể đối với từng khách hàng.

Tiền gửi ngân hàng

Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến tại Việt Nam. Rủi ro tín dụng của số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận ngân quỹ của Công ty theo chính sách của Công ty. Rủi ro tín dụng tối đa của Công ty đối với các khoản mục trên bản cân đối kế toán tại ngày kết thúc kỳ tài chính là giá trị ghi sổ như trình bày trong Thuyết minh số 5.1. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với khoản tiền gửi ngân hàng là thấp.

(iii) Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro mà Công ty sẽ gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có thời điểm đáo hạn khác biệt nhau.

Công ty giảm thiểu rủi ro thanh khoản bằng cách duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Ban Giám đốc cho rằng đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Công ty và giảm thiểu rủi ro do những biến động của luồng tiền.

Bảng dưới đây phân tích đối với tài sản tài chính và các khoản nợ tài chính phi phái sinh vào các nhóm đáo hạn có liên quan dựa trên kỳ hạn còn lại từ ngày lập bảng cân đối kế toán đến ngày đáo hạn theo hợp đồng. Các số tiền được trình bày trong bảng sau là các luồng tiền theo hợp đồng không chiết khấu. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	Dưới 1 năm	Từ 1 năm trở lên	Tổng cộng
30/06/2020			
<i>Giá trị ghi sổ</i>			
Tiền và các khoản tương đương tiền	2.186.999.106		2.186.999.106
Phải thu khách hàng	212.667.322.011		212.667.322.011
Đầu tư	-	-	-
Phải thu khác	35.431.225.898	152.308.300	35.583.534.198
Tài sản tài chính khác	-		-
<i>Trừ:</i>			
Dự phòng phải thu khó đòi	(34.824.094.617)	-	(34.824.094.617)
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	-		-
Tổng cộng	215.461.452.398	152.308.300	215.613.760.698
<i>Giá trị ghi sổ</i>			
Các khoản vay và nợ	48.486.133.884	1.528.800.000	50.014.933.884
Phải trả người bán	119.039.042.157		119.039.042.157
Phải trả, phải nộp khác và chi phí phải trả	36.752.813.711	-	36.752.813.711
Tổng cộng	204.277.989.752	1.528.800.000	205.806.789.752
Chênh lệch thanh khoản thuần	11.183.462.646	(1.376.491.700)	9.806.970.946

440
ĐĂNG
NHẬT
PK
ET
UAI

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP ĐƯỜNG ống BÊ CHỨA DẦU KHÍ

Địa chỉ: số 35G đường 30/4, Phường 9, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (tiếp theo)

Mẫu số B 09a-DN

Kỳ kế toán kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2020

Đơn vị tính: VND

	Dưới 1 năm	Từ 1 năm trở lên	Tổng cộng
01/01/2020			
Giá trị ghi sổ			
Tiền và các khoản tương đương tiền	2.940.758.790		2.940.758.790
Phải thu khách hàng	223.309.718.332		223.309.718.332
Đầu tư		-	-
Phải thu khác	37.276.046.745	152.308.300	37.428.355.045
Tài sản tài chính khác	-		-
Trừ:			
Dự phòng phải thu khó đòi	(36.652.447.684)		(36.652.447.684)
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư			
Tổng cộng	226.874.076.183	152.308.300	227.026.384.483
Giá trị ghi sổ			
Các khoản vay và nợ	45.208.469.224	2.031.900.000	47.240.369.224
Phải trả người bán	116.852.823.165		116.852.823.165
Phải trả, phải nộp khác và chi phí phải trả	35.898.354.715	-	35.898.354.715
Tổng cộng	197.959.647.104	2.031.900.000	199.991.547.104
Chênh lệch thanh khoản thuần	28.914.429.079	(1.879.591.700)	27.034.837.379

Ban Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản tùy thuộc vào các biện pháp đảm bảo thanh khoản. Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

(iv) Giá trị hợp lý

Giá trị ghi sổ được tính bằng giá gốc trừ dự phòng của các khoản phải thu ngắn hạn, tiền gửi ngân hàng và các khoản phải trả người bán và phải trả khác là gần bằng với giá trị hợp lý của chúng.

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	30/06/2020	01/01/2020	30/06/2020	01/01/2020
Tài sản tài chính				
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	-	-	-	-
Các khoản phải thu về cho vay	-	-	-	-
Phải thu khách hàng và phải thu khác	213.274.453.292	223.933.317.393	213.274.453.292	223.933.317.393
Tài sản khác	896.789.965	330.958.213	896.789.965	330.958.213
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	-	-	-	-
Tiền và các khoản tương đương tiền	2.186.999.106	2.940.758.790	2.186.999.106	2.940.758.790
Tổng cộng	216.358.242.363	227.205.034.396	216.358.242.363	227.205.034.396
Nợ phải trả tài chính				
Nợ phải trả tài chính				
Vay và nợ	50.014.933.884	47.240.369.224	50.014.933.884	47.240.369.224
Phải trả người bán	119.039.042.157	116.852.823.165	119.039.042.157	116.852.823.165
Phải trả khác	18.298.177.276	17.406.964.589	18.298.177.276	17.406.964.589
Tổng cộng	187.352.153.317	181.500.156.978	187.352.153.317	181.500.156.978

Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính không được đánh giá và xác định một cách chính thức vào ngày 30/06/2020 và ngày 01/01/2020. Tuy nhiên, Ban Giám đốc đánh giá giá trị hợp lý của những tài sản và phải trả tài chính này không có chênh lệch trọng yếu với giá trị ghi sổ của chúng tại ngày kết thúc kỳ tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP ĐƯỜNG ống BÊ CHỨA DẦU KHÍ

Địa chỉ: số 35G đường 30/4, Phường 9, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (tiếp theo)

Kỳ kế toán kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2020

Mẫu số B 09a-DN

Đơn vị tính: VND

8.6 Thông tin về các bên liên quanCác bên liên quan:

Trong kỳ kế toán và tại ngày kết thúc kỳ kế toán, bên sau đây được nhận biết là bên liên quan của Công ty:

Bên liên quan	Địa điểm	Quan hệ
- Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam	Hà Nội	Công ty mẹ
- Công ty Cổ phần Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí	Bà Rịa - Vũng Tàu	Công ty con cùng Tập đoàn
- Công ty Cổ phần Phân bón Dầu khí Cà Mau	Cà Mau	Thành viên cùng Tập đoàn
- Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp và Dân dụng Dầu khí	Bà Rịa - Vũng Tàu	Thành viên cùng Tập đoàn
- Công ty Cổ phần PVI	Hà Nội	Thành viên cùng Tập đoàn
- Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Thái Bình	Thái Bình	Thành viên cùng Tập đoàn
- Công ty TNHH Giải pháp Công nghệ Kiểm tra Không phá hủy Dầu khí Việt Nam	Hồ Chí Minh	Thành viên cùng Tập đoàn
- Công ty Cổ phần Bọc ống Dầu khí Việt Nam	Bà Rịa - Vũng Tàu	Thành viên cùng Tập đoàn
- Công ty Cổ phần Xăng dầu dầu khí Vũng Tàu	Bà Rịa - Vũng Tàu	Thành viên cùng Tập đoàn

Giao dịch với các bên liên quan:

Ngoài giao dịch với các bên liên quan nêu trên, những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong kỳ bao gồm:

Bên liên quan	Nghiệp vụ	Số tiền VND
- Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam	Thu tiền bán hàng	10.600.000.000
	Chi hộ	66.000.000
- Công ty Cổ phần Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí	Phải thu khách hàng	429.883.787
	Thu tiền bán hàng	270.000.000
	Mua hàng	89.964.333
	Bù trừ công nợ	89.964.333
- Công ty Cổ phần Phân bón Dầu khí Cà Mau	Thu tiền bán hàng	705.848.753
- Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp và Dân dụng Dầu khí	Phải trả tiền sử dụng đất thuê	419.053.637
- Công ty Cổ phần PVI	Mua bảo hiểm	51.993.574
	Thanh toán tiền hàng	44.652.700
- Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Thái Bình	Mua hàng	25.658.000
- Công ty TNHH Giải pháp Công nghệ Kiểm tra Không phá hủy Dầu khí Việt Nam	Mua hàng	522.968.820
- Công ty Cổ phần Bọc ống Dầu khí Việt Nam	Tạm ứng tiền hàng	181.500.000
- Công ty Cổ phần Xăng dầu dầu khí Vũng Tàu	Mua hàng	281.513.000
	Thanh toán tiền hàng	161.694.000

Lương và thù lao chi trả trong năm cho các thành viên HĐQT, Ban Giám đốc và Kế toán trưởng:

	Từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020	Từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019
	(VND)	
Lương, thu nhập của Ban lãnh đạo	659.896.825	1.263.288.332
Tổng cộng	659.896.825	1.263.288.332

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP ĐƯỜNG ống BỂ CHỨA DẦU KHÍ

Địa chỉ: số 35G đường 30/4, Phường 9, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (tiếp theo)

Kỳ kế toán kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2020

Mẫu số B 09a-DN

Đơn vị tính: VND

8.7 Thông tin so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và Báo cáo tài chính riêng 6 tháng đầu năm 2019 của Công ty Cổ phần Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí đã được kiểm toán và soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA Việt Nam.

8.8 Thông tin về hoạt động liên tục

Báo cáo tài chính riêng này được lập trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục.

8.9 Những thông tin khác

Ngoài những thông tin đã trình bày trên, trong kỳ Công ty không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra đòi hỏi phải trình bày hay công bố trên Báo cáo tài chính giữa niên độ.

NGƯỜI LẬP

Phạm Thị Thêu

KẾ TOÁN TRƯỞNG

Đinh Đức Anh

Vũng Tàu, ngày 31 tháng 07 năm 2020

GIÁM ĐỐC



Nguyễn Đức Đạt

